

Bản án số: 13/ 2021/ HNGĐ-ST
Ngày : 23/3/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q - TỈNH Q

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hùng

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh, ông Đàm Chí Thân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga, cán bộ Tòa án thị xã Q - Quảng Ninh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - Tỉnh Q tham gia phiên tòa ông Nguyễn Đăng Viện- Kiểm sát viên .

Ngày 23 tháng 3 năm 2021 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thị xã Q , tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 26/01/2021 về việc "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn N , sinh năm 1967

Nơi ĐKKHKT: Khu Q, phường M , thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Chị Vũ Thị B , sinh năm 1975

Nơi ĐKKHKT: Khu Q, phường M , thị xã Q , tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

NHẬN THẤY

Tại Đơn khởi kiện và Bản tự khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N thể hiện: Anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 10 năm 1995 tại thôn Quỳnh Phú, xã Minh Thành, huyện Yên Hưng (Nay là thị xã Q - Quảng Ninh) nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi chị B và anh N về chung sống với nhau, hai bên gia đình có làm lễ cưới theo truyền thống. Thời gian chung sống với nhau thời gian đầu hòa thuận, sau đó đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B bất đồng quan điểm sống, không thông cảm cho nhau, thường xuyên cãi nhau. Hai người đã sống mỗi người một nơi. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được. Anh Nguyễn Văn N đề nghị Tòa án giải quyết “ Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là vợ chồng”

Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B có ba con chung: Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 và Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004. Khi Tòa án giải quyết không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là vợ chồng; Anh N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với hai con Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 đã đến tuổi trưởng thành nên anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Vũ Thị B trình bày như lời khai của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N về thời gian, địa điểm chung sống với nhau từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Về quan hệ hôn nhân: Do chị B và anh N không còn tình cảm vợ chồng. Chị Vũ Thị B đồng ý với ý kiến của anh Nguyễn Văn N , đề nghị Tòa án giải quyết “ Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là vợ chồng”

Về con chung: Chị Vũ Thị B xác nhận trong thời gian chung sống với anh Nguyễn Văn N có ba con chung là Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 và Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004. Chị Vũ Thị B đồng ý với yêu cầu của anh Nguyễn Văn N về giải quyết con chung. Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Hai con Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 đã đến tuổi trưởng thành nên chị Vũ Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Hà V thể hiện: Trường hợp Tòa án giải quyết “ không công nhận quan hệ vợ chồng “ của bố mẹ, cháu Vi xin được ở với bố Nguyễn Văn N .

Tại Biên bản xác minh ngày 26 tháng 02 năm 2021, trưởng khu Quỳnh Phú phường M cung cấp: Anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai người sống hòa thuận đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung; Thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm.

Quá trình chung sống, hai người có ba con chung Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 và Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004. Hai cháu Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 đã đến tuổi trưởng thành. Cháu Nguyễn Hà V đang học lớp 11 trường THPT Đông Thành và hiện ở với cùng với anh Nguyễn Văn N . Trường hợp Tòa án giải quyết việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà V .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q - Tỉnh Q tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật và tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội thẩm nhân dân từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Nghị án đã thực hiện đúng các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trước pháp luật .

Đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn N . Xử: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận về việc thỏa thuận giải quyết con chung của anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B . Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và anh Vũ Thị B chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Trước khi anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B về chung sống với nhau, hai bên gia đình có làm lễ cưới. Quá trình chung sống, đến năm 2014 hai bên phát sinh mâu thuẫn. Anh Nguyễn Văn N đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng với chị Vũ Thị B . Về con chung: Giao con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy yêu cầu của anh Nguyễn Văn N là chính đáng, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 14; Điều 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Do anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B có ba con Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 và Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004. Hai cháu Nguyễn Thị N2 , sinh ngày 15/02/1996; Nguyễn Thị H , sinh ngày 23/10/1998 đã đến tuổi trưởng thành. Nay anh Nguyễn Văn N xin nhận chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị Vũ Thị B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Vũ Thị B đồng ý với quan điểm giải quyết con chung của anh Nguyễn Văn N . Hội đồng xét xử thấy: Thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là đúng pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Hà V nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc nuôi con giữa anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B .

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Văn N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật phí và lệ phí.

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N .

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận về việc thỏa thuận giải quyết con chung của anh Nguyễn Văn N và chị Vũ Thị B . Anh Nguyễn Văn N trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Hà V , sinh ngày 10/7/2004 đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị B được quyền qua lại, thăm nom, giáo dục con không ai có quyền cản trở.

3. Về quyền kháng cáo, án phí dân sự sơ thẩm: Báo quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ đi số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000.1696 ngày 21/01/2021 anh Nguyễn Văn N đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Q – Tỉnh Q , nay chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm.

Nơi nhân:

-TANDT Quảng Ninh;

-VKSNDTX Q. Yên;

-Các đương sự;

-Chi cục THADS Q Yên;

-Lưu hồ sơ, v.p .

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHAN HÙNG